

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	SINH LÝ HỌC (Thực hành)		
Mã học phần:	71MDPH30233	Số tin chỉ:	03
Mã nhóm lớp học phần:	231_71MDPH30233_0101		
Hình thức thi: Tự luận	Thời gian làm bài:	30	phút
Thí sinh được tham khảo tài liệu:	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không	

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Trình bày cơ bản các khái niệm, cơ chế hoạt động cơ thể người về sinh lý bình thường.	Tự luận	40	1	4	PI2.1
CLO2	Phân tích được các chỉ số sinh lý chức năng, hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan trong cơ thể người bình thường.	Tự luận	30	2	3	0
CLO3	Giải thích được cơ chế điều hòa, điều hòa ngược và hoạt	Tự luận	30	3	3	0

	động của các hệ cơ quan trong cơ thể.					
--	---------------------------------------	--	--	--	--	--

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

Câu hỏi 1:

- A** Hãy cho biết các kiểu thiếu máu dựa trên kết quả phân tích huyết đồ?
B Phân tích ba dòng huyết cầu trong công thức máu dưới đây:

	Kết quả	Trị số bình thường
RBC	3,25	4,04 – 6,13 T/L
HGB	9,5	11,5 – 18,1 g/L
HCT	29,3	37 – 51 %
MCV	82,0	80 – 97 fL
MCH	27,7	26 – 32 pg
MCHC	33,2	31 – 36 g/dL
RDW	14,4	11,5 – 14,5 %
WBC	5,3	4,1 – 10,9 K/ μ L
LYM	2,5	0,6 – 4,1 K/ μ L

NEU	2,7	2,0 – 7,8 K/ μ L
PLT	100	140 – 440 K/ μ L
MPV	5,5	0,0 – 99,8 fL

Câu hỏi 2:

- A.** Hãy cho biết VC và FVC là gì, có ý nghĩa như thế nào trên hô hấp ký?
B. Hãy cho biết hô hấp ký dưới đây có hội chứng tắc nghẽn sau thử thuốc không? Giải thích.

Name: Height at test (cm): 169.0 Weight at test (kg): 75.0	ID: 126491 Sex: Male Age at test: 30	Birthdate: 01/01/1980 Smoking history (pk-yrs): Predicted set: Hankinson (NHANES III)
---	--	---

Technician: KTV THUY

Diagnosis:

Comments:

Test series date/time: 01/11/2010 02:45 PM

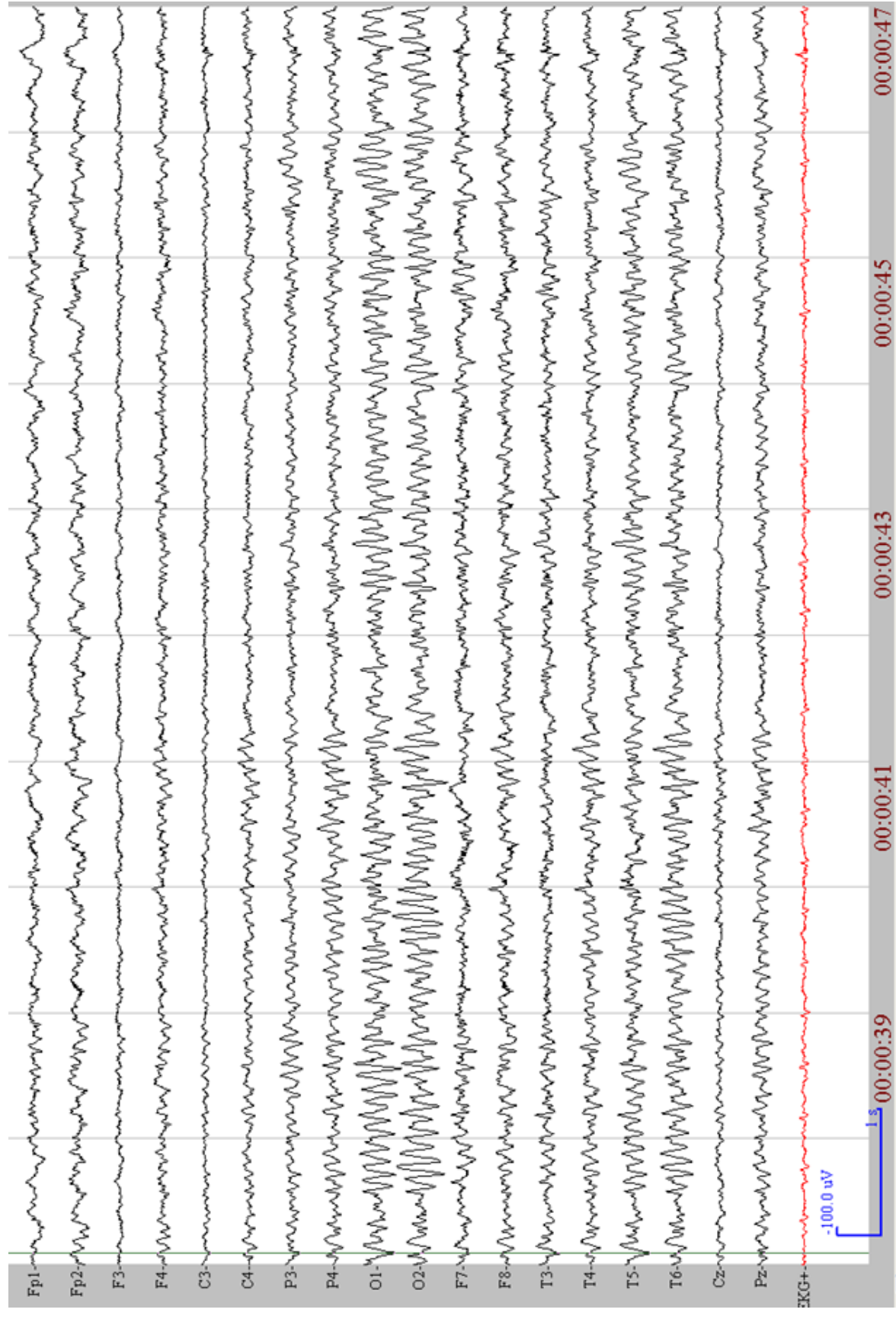
Physician:

Effort #8 usability caution (ATS/ERS 2005):

Results							
Result	Pred	LLN	Pre	%Prd	Post	%Prd	%Chg
SVC (L)	4.32	3.58	4.01	93%	3.78	88%	-6%
FVC (L)	*4.32	3.58	3.87	90%	3.82	88%	-1%
FEV1 (L)	*3.55	2.92	3.41	96%	3.41	96%	0%
FEV1/FVC	0.82	0.73	0.88	107%	0.89	109%	1%
FEV6 (L)	4.85	4.03	---	---	---	---	---
FEF25-75% (L/s)	4.16	2.71	4.83	116%	4.85	117%	0%
Vext (%)	---	---	3.56	---	2.55	---	-28%
IC (L)	---	---	---	---	---	---	---
PEFR (L/s)	9.49	7.40	10.53	111%	10.28	108%	-2%

Câu hỏi 3:

- A.** Hãy cho biết sự khác nhau giữa kiểu chuyển đạo lưỡng cực dọc và lưỡng cực ngang trên EEG?
B. Đây là bản ghi lúc thức, nhắm mắt, thư giãn. Phân tích hoạt động nền EEG?



ĐÁP ÁP VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Tự luận			
Câu 1		4.0	
Nội dung a.	3 kiểu thiếu máu huyết đồ: - Thiếu máu đẳng sắc đẳng bào - Thiếu máu hồng cầu nhỏ nhược sắc - Thiếu máu hồng cầu to	0.5 0.5 0.5 0.5	
Nội dung b.	Kết quả công thức máu: - Dòng hồng cầu: thiếu máu đẳng sắc đẳng bào (do giảm Hgb, RBC và Hct, trong khi MCV và MCHC bình thường) - Dòng bạch cầu bình thường (do WBC, NEUT, LYMP bình thường) - Dòng tiểu cầu giảm (PLT giảm)	1.0 0.5 0.5	
Câu 2		3.0	
Nội dung a.	- VC là dung tích sống (chậm) - FVC là dung tích sống gắng sức - VC và FCV giúp đánh giá hội chứng hạn chế trên hô hấp ký	0.5 0.5 0.5	
Nội dung b.	Sau thử thuốc: - FVC > VC -> chọn FEV1/FVC đánh giá tắc nghẽn FEV1/FVC = 0.89 > 0.70 -> không ghi nhận hội chứng tắc nghẽn	0.5 1.0	
Câu 3		3.0	
Nội dung a.	- Lượng cực dọc giúp so sánh mô hình EEG giữa 2 bán cầu não phải và trái - Lượng cực ngang giúp so sánh mô hình EEG giữa vùng phía trước và phía sau đầu.	0.5 0.5	
Nội dung b.	Hoạt động nền: - Sóng alpha tần số: 8-10 Hz, xuất hiện chủ yếu ở vùng phía sau (vùng chẩm) - Sóng beta xuất hiện chủ yếu ở vùng phía trước (vùng trán)	1.0 1.0	
	Điểm tổng	10.0	

THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Câu số/Nội dung câu hỏi	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm (Nhóm câu hỏi)		10.0	
	Câu 1	4.0	
	Câu 2	3.0	
	Câu 3	3.0	
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2023

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề

TS. Trần Nhật Phương

TS. BS. Lê Quốc Tuấn